

Mạo Khê, ngày 01 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm học 2024-2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Nguyễn Văn Cừ.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục

Khu Vĩnh Sơn – phường Mạo Khê – thành phố Đông Triều – Tỉnh Quảng
Ninh

Điện thoại: 02033604488

Email: thnguyenvancu@dongtrieu.edu.vn

Cổng thông tin điện tử: <https://thnguyenvancu.dongtrieu.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp

Trường Tiểu học Nguyễn Văn Cừ là Trường công lập dưới sự quản lý trực tiếp của UBND thành phố Đông Triều, phòng GD&ĐT thành phố Đông Triều.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

- Sứ mạng: Tạo dựng môi trường học tập lành mạnh – giàu tình thương lòng nhân ái tạo cơ hội cho mỗi cá nhân phát triển

- Tầm nhìn: Nơi khởi nguồn của những ước mơ, là một trong những trường có môi trường học tập thân thiện và hài hòa, học sinh được phát triển toàn diện về trí tuệ, sức khỏe, nhân cách

- Hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường:

❖ Kỷ cương – Nề nếp

❖ Tinh thần trách nhiệm

❖ Yêu thương – Đoàn kết

❖ Đổi mới - Sáng tạo

❖ Sự hợp tác – Giúp đỡ

❖ Khát vọng vươn lên

- Mục tiêu của cơ sở giáo dục:

+ Giáo dục phổ thông nhằm phát triển toàn diện cho người học về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo; hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa và trách nhiệm công dân;

+ Giáo dục tiểu học nhằm hình thành cơ sở ban đầu cho sự phát triển về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, năng lực của học sinh; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học trung học cơ sở.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường PTCS Nguyễn Văn Cừ được thành lập năm 1985 là tiền thân của trường Tiểu học Nguyễn Văn Cừ. Quá trình hoạt động đào tạo, phân đầu và phát triển của nhà trường luôn giữ vững danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, lao động xuất sắc, được UBND tỉnh tặng cờ thi đua đơn vị dẫn đầu khối các trường Tiểu học thành phố Đông Triều năm học 2016-2017; được UBND tỉnh tặng Bằng khen

năm học 2015-2016 và năm học 2019-2020; năm học 2022-2023; nhiều năm được Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh, UBND thành phố tặng giấy khen.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển hiện nay của cấp học, trường được tách riêng theo QĐ số 414/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2004 của UBND huyện Đông Triều (nay là thành phố Đông Triều)- Trường mang tên trường Tiểu học Nguyễn Văn Cừ. Qua các chặng đường phát triển, nhà trường còn gặp nhiều khó khăn đặc biệt là cơ sở vật chất song tập thể CB GV, NV nhà trường qua các thời kỳ luôn khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Đó cũng là niềm tự hào của thầy trò nhà trường.

Năm 2005 được sự quan tâm chỉ đạo của ngành GD, của Đảng bộ chính quyền địa phương các cấp, trường được đầu tư xây dựng theo qui mô hai tầng với 8 phòng học khang trang và có đủ các phòng điều hành; Năm 2016 nhà trường được Sở Giáo dục & Đào tạo tỉnh Quảng Ninh các thiết bị phòng học Ngoại ngữ trị giá 142.803.000đ; Năm 2017 được đầu tư xây dựng 04 phòng học; Năm học 2022-2023 được Sở Giáo dục & Đào tạo tỉnh Quảng Ninh phòng thư viện với đầy đủ nội thất, thiết bị điện tử và 430 đầu sách truyện các loại... trị giá 553.240.667đ; và phòng học trải nghiệm với đầy đủ trang thiết bị đổi mới phương pháp dạy học lấy học sinh làm trung tâm trị giá 1.993.218.308 đồng; năm 2024 được UBND thành phố đầu tư xây dựng 05 phòng học và 3 phòng bộ môn; xây dựng hệ thống tường bao quanh nhà trường.

Trường Tiểu học Nguyễn Văn Cừ đã vươn lên mạnh mẽ và tự khẳng định mình. Tập thể thầy trò nhà trường ra sức thi đua phấn đấu "Dạy tốt- Học tốt" góp phần không nhỏ vào sự nghiệp trồng người của địa phương, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của giáo dục thành phố Đông Triều. Với tinh thần trách nhiệm cao của đội ngũ CB-GV-NV, uy tín của trường ngày được nâng cao. Trường luôn coi trọng và tập trung Bồi dưỡng chất lượng đội ngũ song song với xây dựng cơ sở vật chất trang thiết bị dạy học. Chủ trương xã hội hoá được nhà trường vận dụng năng động sáng tạo, phát huy tiềm lực của các tổ chức xã hội, hội phụ huynh cùng cố xây dựng cơ sở vật chất nhà trường ngày càng hoàn thiện hơn. Trường là địa chỉ tin cậy của phụ huynh và nhân dân vùng mỏ.

Ngày 20/5/2025 nhà trường được Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng ra Quyết định số 72/QĐ-SGDĐT ngày 20/5/2025 Quyết định về việc cấp giấy Chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và cấp Bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2.

Hàng năm chất lượng giáo dục học sinh luôn đảm bảo, nhà trường có nhiều học sinh đạt giải cấp trường, cấp thành phố, cấp tỉnh, cấp quốc gia; có nhiều giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi các cấp.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm:

Họ và tên: Bùi Thị Hải Thu

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Tiểu học Nguyễn Văn Cừ - Khu Vĩnh Sơn – phường Mạo Khê – thành phố Đông Triều – Tỉnh Quảng Ninh

Số điện thoại: 0984017775

Địa chỉ thư điện tử: th.nvc.bththu@dongtrieu.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

- Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục: Trường Tiểu học Nguyễn Văn Cừ được tách riêng theo quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2004 của UBND huyện Đông Triều (nay là thành phố Đông Triều) - Trường mang tên Trường Tiểu học Nguyễn Văn Cừ

- Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:

+ Quyết định số 1258/QĐ-UBND ngày 01/12/2020 Quyết định về việc thành lập Hội đồng trường đối với Trường Tiểu học Nguyễn Văn Cừ, nhiệm kỳ 2020-2025.

+ Quyết định 816/QĐ-UBND ngày 06/10/2023 Quyết định về việc kiện toàn Hội đồng Trường đối với Trường Tiểu học Nguyễn Văn Cừ, nhiệm kỳ 2020-2025.

+ Quyết định số 3037/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 Quyết định về việc công nhận chức danh Chủ tịch Hội đồng Trường đối với Trường Tiểu học Nguyễn Văn Cừ, nhiệm kỳ 2020-2025.

+ Danh sách thành viên hội đồng trường:

1	Bùi Thị Hải Thu	Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng	Trường TH Nguyễn Văn Cừ
2	Vũ Đức Quynh	Phó chủ tịch UBND phường	UBND phường Mạo Khê
3	Lê Thị Tuyết Lan	Phó bí thư chi bộ, Phó hiệu trưởng, CTCD	Trường TH Nguyễn Văn Cừ
4	Lê Thị Kim Lương	Tổ trưởng chuyên môn tổ 4-5 Chi ủy viên- Giáo viên	Trường TH Nguyễn Văn Cừ
5	Trần Thị Quyên	Giáo viên	Trường TH Nguyễn Văn Cừ
6	Dịch Tiểu Hoàng Anh	Bí thư đoàn thanh niên	Trường TH Nguyễn Văn Cừ
7	Nguyễn Ngọc Ánh	Tổ trưởng chuyên môn tổ 1-2-3	Trường TH Nguyễn Văn Cừ
8	Đỗ Thị Hiền	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Trường TH Nguyễn Văn Cừ
9	Nguyễn Thị Lan	Trưởng ban ban đại diện CMHS	Khu Vĩnh Sơn, phường Mạo Khê, thành phố Đông Triều

- Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

+ Quyết định điều động, bổ nhiệm hiệu trưởng theo QĐ số 2250/QĐ-UBND ngày 30/8/2023 Quyết định điều động, bổ nhiệm cán bộ quản lý.

+ Quyết định điều động, bổ nhiệm phó hiệu trưởng theo QĐ số 1945/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 Quyết định về việc điều động, bổ nhiệm cán bộ quản lý và QĐ số 1683/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 Quyết định về việc bổ nhiệm lại viên chức lãnh đạo, quản lý.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục: Kế hoạch Số 442/KHCL-THNVC ngày 20/10/2020 Kế hoạch Chiến lược phát triển trường Tiểu học Nguyễn Văn Cừ Giai đoạn 2020 - 2025; Kế hoạch số 603/KH-THNVC ngày 26/10/2023 Kế hoạch Chiến lược phát triển trường Tiểu học Nguyễn Văn Cừ Giai đoạn 2020 - 2025 (điều chỉnh, bổ sung).

- Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: QĐ số 362/QĐ-THNVC ngày 04/10/2024 Quyết định ban hành quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường.

- Các nghị quyết của hội đồng trường: Nghị quyết số 353/NQ-HĐT ngày 27/9/2024 Nghị quyết Hội đồng trường lần thứ nhất năm học 2024-2025; Nghị quyết số 14/NQ-HĐT-THNVC ngày 14/01/2025 Nghị quyết hội đồng trường HKI; 193/NQ-THNVC ngày 23/5/2025 Nghị quyết Hội đồng trường lần 3 tháng 5/2025.

- Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính:

- Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

- Quy chế chi tiêu nội bộ: số 03/QĐ - THNVC QC ngày 02/01/2024 Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024; số 08/QĐ - THNVC QC ngày 06/01/2025 Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025.

- Quy chế tài sản công: số 04/QC-THNVC ngày 02/01/2024 Quy chế tài sản công năm 2024; số 17/QC-THNVC ngày 10/01/2025 Quy chế tài sản công năm 2025.

- Quy chế làm việc: QĐ số 363/QĐ-THNVC ngày 04/10/2024 Quyết định ban hành Quy chế làm việc trong hoạt động năm học 2024-2025;

- Quy tắc ứng xử văn hóa trong trường học: QĐ số 491/QĐ – THNVC ngày 23/9/2023 Quyết định ban hành về Quy tắc ứng xử văn hóa trong trường học

- Nội quy trường học: QĐ 366/QĐ-THNVC ngày 04/10/2024 Quyết định ban hành nội quy trường học năm học 2024-2025

- Quy chế đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động: QĐ số 368/QĐ-THNVC ngày 04/10/2024 Quyết định ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động năm học 2024-2025

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

a. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo: 02 CBQL, 20 Giáo viên, 01 TPTĐ; 02 Nhân viên (01 Kế toán, 01 Thư viện thiết bị).

Diễn giải	Hiện có	Trình độ chuyên môn
1.1. Ban giám hiệu	02	TS: 01; ĐH: 01
- Hiệu trưởng	1	TS: 01
- Phó hiệu trưởng	1	ĐH
1.2. Giáo viên	20	ĐH: 20
- Giáo viên văn hóa	14	ĐH: 14

Diễn giải	Hiện có	Trình độ chuyên môn
- Tiếng Anh	2	ĐH: 2
- Mỹ thuật	1	ĐH: 1
- Âm nhạc	1	ĐH: 1
- Thể dục	1	ĐH: 1
- Tin học	1	ĐH: 1
1.3. Tổng phụ trách Đội	1	ĐH: 1
1.4. Nhân viên	02	ĐH: 2
- Thư viện + TBDH	1	ĐH: 1
- Kế toán - Văn thư	1	ĐH: 1
- Y tế trường học	0	0
Tổng cộng	25	ĐH: 25

b. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

02/02 = 100% cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

21/21 = 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

02/02 = 100% nhân viên đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

c. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định:

25/25 giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định đạt 100%.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Diện tích khu đất xây dựng trường; diện tích bình quân tối thiểu 1 học sinh.

+ Diện tích khuôn viên: 13644m² đạt 35m²/học sinh

+ Diện tích sân chơi: 1300 m² đạt 3,3m²/học sinh

+ Diện tích sân tập: 1500 m² đạt 3,8 m²/học sinh

- Số lượng hạng mục, khối phòng hành chính quản trị; khối các phòng hỗ trợ học tập; sân chơi thể dục thể thao..

Khối phòng học: 13 phòng học với tổng diện tích: 715 m²

- Khối phòng phục vụ học tập:

+ Phòng Tin học: 01 (diện tích 50,0 m²)

+ Phòng Ngoại ngữ : 01 (diện tích 56,0 m²);

+ Phòng Mỹ thuật: 01 (diện tích 64,0 m²);

+ Phòng Âm nhạc: 01 (diện tích 64,0 m²);

+ Phòng Khoa học-Công nghệ: 01 (diện tích 49,0m²).

+ Phòng Thư viện: 01 (diện tích 60,0m²);

+ Phòng hoạt động Đội: 01 (diện tích 18,0m²);

+ Phòng Truyền thống: 01 (diện tích 18,0m²);

- + Phòng Thiết bị: 01 (diện tích 41,0m²);
- Khối phòng hành chính quản trị:
- + Phòng hội trường: 01 (diện tích 80,0m²);
- + Phòng Hiệu trưởng: 01 (diện tích 18,0m²);
- + Phòng Phó Hiệu trưởng: 01 (diện tích 18,0m²);
- + Phòng y tế: 01 (diện tích 18,0m²);
- Phòng bảo vệ: 01 (diện tích 10m²);
- Nhà để xe của GV: 01 (diện tích 100m²)

- Nhà vệ sinh: 03 (01 khu vệ sinh HS cho nam và nữ riêng biệt, 02 khu vệ sinh GV nam và nữ, có hệ thống nước sạch, cống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường). Tổng diện tích 90m².

+ Các phòng chức năng đều có đủ ánh sáng, bàn ghế, tủ, đủ thiết bị, tài liệu, đồ dùng làm việc và học tập, diện tích đảm bảo đủ cho các hoạt động. Các thiết bị thiết yếu được sắp xếp hợp lý, khoa học để phục vụ các hoạt động của nhà trường và được ghi đầy đủ trong sổ nhật ký.

+ Phòng Y tế học đường có tủ thuốc, có các loại thuốc thiết yếu và các dụng cụ y tế theo quy định để thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh và công tác sơ cứu kịp thời nếu xảy ra tai nạn tại trường cho học sinh. Có sổ sách theo dõi, kế hoạch hoạt động y tế trường, sổ theo dõi khám sức khỏe định kỳ cho học sinh, tài liệu chuyên môn về y tế trường học,...

+ Khu sân chơi bãi tập được bố trí hợp lý, sân trường được lát bê tông, sạch, đẹp, có trồng cây bóng mát, đảm bảo diện tích vui chơi cho học sinh. Đặc biệt, trường có khu đất riêng rộng rãi làm bãi tập cho học sinh đảm bảo an toàn, có đủ thiết bị luyện tập thể dục thể thao phục vụ cho các hoạt động giáo dục thể chất, đồng thời là khu vực sinh hoạt ngoại khóa tổ chức các trò chơi dân gian, múa hát tập thể... cho học sinh; Khuôn viên, sân chơi, sân tập của nhà trường bảo đảm yêu cầu môi trường sư phạm xanh, sạch, đẹp, yên tĩnh, thoáng mát, thuận tiện cho học sinh học tập, vui chơi; không có hàng quán, nhà ở trong khu vực trường; môi trường xung quanh khu vực trường sạch, đẹp, an toàn.

- Số thiết bị dạy học hiện có: 2 048 thiết bị

- Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường đã được phê duyệt

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Bộ sách
Lớp 1				
1	Tiếng Việt 1	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Vũ Kim Bảng, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Toán 1	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài	Nhà xuất bản Đại	Cánh Diều

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Bộ sách
		Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	học Sư phạm	
3	Đạo đức 1	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Lê Thị Tuyết Mai, Lục Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Tự nhiên và Xã hội 1	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái, Nguyễn Thị Thu Trang.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	Cánh Diều
5	Âm nhạc 1	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Mĩ thuật 1	Phạm Văn Tuyền (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Đông (Chủ biên), Phạm Đình Bình, Nguyễn Hải Kiên, Nguyễn Minh Quang.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	Cánh Diều
7	Giáo dục thể chất 1	Đặng Ngọc Quang (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Công Trường.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	Cánh Diều
8	Hoạt động trải nghiệm 1	Bùi Sỹ Tụng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Lê Thị Luận, Trần Thị Thu.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Tiếng Anh 1	Nguyễn Thị Ngọc Quyên (Chủ biên), Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Dương Hoài Thương, Nguyễn Thụy Uyên Sa, Nguyễn Hoàng Thiên Ý.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	I-learnt Smart Star
Lớp 2				
1	Tiếng Việt 2	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương (Đồng Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Nguyễn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Bộ sách
		Thị Ngọc Minh, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.		
2	Toán 2	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	Cánh Diều
3	Đạo đức 2	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Lê Thị Tuyết Mai.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Tự nhiên và Xã hội 2	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái, Phùng Thanh Huyền.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	Cánh Diều
5	Âm nhạc 2	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (Đồng Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật, Trần Thị Kim Thăng, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Mĩ thuật 2	Nguyễn Thị Đông (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hải Kiên (Chủ biên), Phạm Đình Bình, Nguyễn Thị Huyền.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	Cánh Diều
7	Giáo dục thể chất 2	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Phạm Đông Đức (Chủ biên), Phạm Tràng Kha, Nguyễn Duy Linh.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	Cánh Diều
8	Hoạt động trải nghiệm 2	Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tụng (Đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh, Nguyễn Thanh Bình (Đồng Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Lê Thị Luận, Trần Thị Tố Oanh, Trần Thị Thu.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Tiếng Anh 2	Nguyễn Thị Ngọc Quyên (Chủ biên), Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Dương Hoài Thương.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành	I-learnt Smart Star

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Bộ sách
			phố Hồ Chí Minh	
Lớp 3				
1	Tiếng Việt 3	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phụng.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Toán 3	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	Đại học Sư phạm	Cánh Diều
3	Đạo đức 3	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt Hà.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Tự nhiên và Xã hội 3	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Phùng Thanh Huyền, Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái.	Đại học Sư phạm	Cánh Diều
5	Tin học 3	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên), Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Chí Trung, Kiều Phương Thùy.	Đại học Sư phạm	Cánh Diều
6	Công Nghệ 3	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Âm nhạc 3	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Mĩ thuật 3	Nguyễn Thị Đông (Tổng Chủ biên), Phạm Đình Bình (Chủ biên), Nguyễn Thị Huyền, Nguyễn Hải Kiên.	Đại học Sư phạm	Cánh Diều
9	Giáo dục thể chất 3	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hữu Hùng (Chủ biên), Nguyễn Thành Long, Phạm Đức Toàn, Vũ Thị Mai Phương.	Đại học Sư phạm	Cánh Diều

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Bộ sách
10	Hoạt động trải nghiệm 3	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
11	Tiếng Anh 3 (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn.	Giáo dục Việt Nam	
Lớp 4				
1	Tiếng Việt 4	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lễ Hằng, Trịnh Cẩm Lan.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Toán 4	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	Cánh Diều
3	Đạo đức 4	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Lịch sử và Địa lí 4	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Khoa học 4	Mai Sỹ Tuấn (Tổng chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Phan Thị Thanh Hội, Phùng Thanh Huyền, Lương Việt Thái	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	Cánh Diều
6	Tin học 4	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên), Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Thị Hồng, Đỗ Thị Bích Ngọc, Nguyễn Chí Trung.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	Cánh Diều
7	Công Nghệ 4	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đồng Huy Giới,	Nhà xuất bản Giáo	Kết nối tri thức với

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Bộ sách
		Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo.	đục Việt Nam	cuộc sống
8	Giáo dục thể chất 4	Đinh Quang Ngọc (Tổng chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên), Đinh Khánh Thu, Nguyễn Thị Thu Quyết, Đinh Thị Mai Anh.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	Cánh Diều
9	Âm nhạc 4	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Mĩ thuật 4	Nguyễn Thị Đông (Tổng Chủ biên), Phạm Đình Bình (Chủ biên), Nguyễn Thị Huyền, Nguyễn Hải Kiên.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	Cánh Diều
11	Hoạt động trải nghiệm 4	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
12	Tiếng Anh 4	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
Lớp 5				
1	Tiếng Việt 5	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lễ Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng. Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đặng Thị Hảo Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Toán 5	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	Cánh Diều
3	Đạo đức 5	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Lịch sử và Địa lí 5	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ	Nhà xuất bản Giáo	Kết nối tri thức

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Bộ sách
		(Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh.	dục Việt Nam	với cuộc sống
5	Khoa học 5	Bùi Phương Nga (Tổng Chủ biên), Phạm Hồng Bắc, Phan Thị Thanh Hội, Phùng Thanh Huyền, Lương Việt Thái.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	Cánh Diều
6	Tin học 5	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên), Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Thị Hồng, Đỗ Thị Bích Ngọc, Nguyễn Chí Trung.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	Cánh Diều
7	Công Nghệ 5	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trịnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Giáo dục thể chất 5	Đinh Quang Ngọc (Tổng chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên), Đinh Khánh Thu, Nguyễn Thị Thu Quyết, Đinh Thị Mai Anh.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	Cánh Diều
9	Âm nhạc 5	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Mĩ thuật 5	Nguyễn Thị Đông (Tổng Chủ biên), Phạm Đình Bình, Nguyễn Thị Huyền (đồng Chủ biên) Nguyễn Hải Kiên.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	Cánh Diều
11	Hoạt động trải nghiệm 5	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tổ Oanh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
12	Tiếng Anh 5	Trần Thị Lan Anh (Chủ biên), Cao Thuý Hồng.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục; Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục sau tự đánh giá.

Nhà trường tiếp tục thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục trong công tác kiểm định chất lượng giáo dục.

- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia qua các mốc thời gian.

Ngày 20/5/2025 nhà trường được Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng ra Quyết định số 72/QĐ-SGDĐT ngày 20/5/2025 Quyết định về việc cấp giấy Chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và cấp Bằng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2.

1. Công tác kiểm định chất lượng giáo dục

Nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và giữ vững trường đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 2 giai đoạn 2025-2030.

- Tiếp tục công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài cho đội ngũ CBGVNV nhà trường.

- Tiếp tục tập huấn và sử dụng hiệu quả phần mềm kiểm định chất lượng cho CB, GV, NV nhà trường để phục vụ tốt cho công tác tự đánh giá chu kỳ sau của nhà trường. Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của từng cá nhân trong nhà trường về công tác kiểm định chất lượng, xác định rõ nhiệm vụ của công tác KĐCLGD là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục của mọi cá nhân, bộ phận, đoàn thể trong nhà trường. Ứng dụng CNTT trong quản lý và thu thập minh chứng và phiếu đánh giá tiêu chí và xây dựng báo cáo tự đánh giá của nhà trường.

- Làm tốt công tác tuyên truyền và công khai các kết quả đánh giá, KĐCLGD đã đạt, tạo điều kiện cho phụ huynh học sinh, nhân dân nắm bắt thông tin và tham gia giám sát về chất lượng giáo dục nhằm nâng cao uy tín của nhà trường.

2. Xây dựng trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia

Rà soát, đối chiếu các tiêu chuẩn để xây dựng lộ trình tham mưu các giải pháp để duy trì, nâng cao chất lượng trường chuẩn Quốc gia Mức độ 2.

Giữ vững các tiêu chí trường đạt chuẩn Quốc gia Mức độ II giai đoạn 2025-2030. Xây dựng, bổ sung cơ sở vật chất Thông tư 14/VBHN-BGDĐT ngày 31/12/2024 của BGDĐT Ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018; Thông tư 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024.

Rà soát, đối chiếu các tiêu chuẩn trường chuẩn Quốc gia Mức độ 2 để bổ sung các tiêu chí còn thiếu, còn yếu. Tích cực tham mưu cho các cấp lãnh đạo, chính quyền địa phương hỗ trợ nâng cấp cơ sở vật chất nhà trường đảm bảo đạt các tiêu chí trường chuẩn đạt Quốc gia.

Nhà trường trên cơ sở các tiêu chí đã đạt của trường chuẩn Quốc gia Mức độ 2 tiếp tục hoàn thiện, bổ sung từng tiêu chí xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 2 đề nghị đánh giá công nhận tháng 6 năm 2030.

Làm tốt công tác tuyên truyền tới phụ huynh học sinh lộ trình xây dựng trường chuẩn quốc gia để có sự hỗ trợ nhà trường cải tạo, bổ sung cơ sở vật chất

nhà trường. Có lộ trình bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ, chất lượng mũi nhọn để đạt được đủ các tiêu chí của trường chuẩn theo yêu cầu.

Rà soát cơ sở vật chất nhà trường đề xuất với ngành bổ sung xây mới tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia, kiểm định chất lượng trong năm học 2029-2030.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

1. Kết quả tuyển sinh, tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân trên lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 2 buổi /ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh tại trường cụ thể như sau:

Năm học 2024-2025	Số lớp	Số	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
		học sinh	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS
Học sinh	13	390	3	80	2	59	2	60	3	105	3	86
- Nữ	10	173	0	30	2	31	2	28	3	47	3	37
- Dân tộc ít người	4	4	1	1	1	1	1	1	0	0	1	1
Học 9 buổi/tuần	13	390	3	80	2	59	2	60	3	105	3	86
HS học ngoại ngữ:	13	390	3	80	2	59	2	60	3	105	3	86
- T. Anh 2 tiết/tuần	5	139	3	80	2	59	0	0	0	0	0	0
- T. Anh 4 tiết/tuần	8	251	0	0	0	0	2	60	3	105	3	86
HS học Tin học	13	390	3	80	2	59	2	60	3	105	3	86
HS bán trú	13	342	3	72	2	53	2	51	3	90	3	76
HS nghèo, cận nghèo	7	7	1	1	1	1	0	0	3	3	2	2

2. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp

Kết quả về chất lượng giáo dục học sinh cuối năm học

* Chất lượng giáo dục toàn diện:

- Thống kê môn học và hoạt động giáo dục

Hoàn thành tốt từ 140 đến 357 em đạt tỉ lệ 70,4 đến 94,8%

Hoàn thành: từ 10 đến 109 em đạt tỉ lệ 5,2% đến 29,7%

Chưa hoàn thành: 0

STT	Môn	Tổng	Mức đạt được					
			T		H		C	
			SL	%	SL	%	SL	%
1	Tiếng Việt	390	343	88	47	12.1	0	0
2	Toán	390	357	91.5	33	8.46	0	0
3	Ngoại ngữ	390	310	79.5	80	20.5	0	0
4	Lịch sử địa lý	191	174	91.1	17	8.9	0	0
5	Khoa	191	181	94.8	10	5.24	0	0
6	Công nghệ	251	228	90.8	23	9.16	0	0
7	Tin	390	356	91.3	34	8.72	0	0
8	Đạo đức	390	300	76.9	90	23.1	0	0
9	TNXH	199	140	70.4	59	29.7	0	0
10	GDTC	390	287	73.6	103	26.4	0	0
11	Âm nhạc	390	281	72.1	109	28	0	0
12	Mỹ thuật	390	312	80	78	20	0	0
13	HĐTN	390	293	75.1	97	24.9	0	0

- Các phẩm chất và năng lực cốt lõi: gồm 5 phẩm chất: Đạt 100% được đánh giá Tốt và Đạt; 10 năng lực: Đạt từ 100% được đánh giá Tốt và Đạt

+ Năng lực chung.

Khối	SL/ Tỉ lệ	Tổng	Năng lực chung								
			Tự chủ & tự học			Giao tiếp & hợp tác			Giải quyết VD & sáng tạo		
			T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C
Tổng	SL	390	291	99	0	294	96	0	288	102	0
	Tỉ lệ		74.6%	25.4%	0	75.4%	24.6%	0	73.8%	26.2%	0
1	SL	80	57	23	0	58	22	0	58	22	0
	Tỉ lệ		71.3%	28.8%	0	72.5%	27.5%	0	72.5%	27.5%	0
2	SL	59	38	21	0	41	18	0	37	22	0
	Tỉ lệ		64.4%	35.6%	0	69.5%	30.5%	0	62.7%	37.3%	0
3	Tỉ lệ	60	42	18	0	41	19	0	41	19	0
	SL		70.0%	30.0%	0	68.3%	31.7%	0	68.3%	31.7%	0
4	Tỉ lệ	105	79	26	0	79	26	0	79	26	0
	SL		75.2%	24.8%	0	75.2%	24.8%	0	75.2%	24.8%	0
5	Tỉ lệ	86	75	11	0	75	11	0	73	13	0
	SL		87.2%	12.8%	0	87.2%	12.8%	0	84.9%	15.1%	0

- Năng lực đặc thù

Khối	SL/ Tỉ lệ	Tổng	Ngôn ngữ			Tính toán			Khoa học		
			T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C
Tổng	SL	390	293	97	0	293	97	0	293	97	0
	Tỉ lệ		75.1%	24.9%	0	75.1%	24.9%	0	75.1%	24.9%	0
1	SL	80	59	21	0	58	22	0	57	23	0
	Tỉ lệ		73.8%	26.3%	0	72.5%	27.5%	0	71.3%	28.8%	0
2	SL	59	42	17	0	47	12	0	43	16	0
	Tỉ lệ		71.2%	28.8%	0	79.7%	20.3%	0	72.9%	27.1%	0
3	Tỉ lệ	60	42	18	0	43	17	0	42	18	0
	SL		70.0%	30.0%	0	71.7%	28.3%	0	70.0%	30.0%	0
4	Tỉ lệ	105	78	27	0	72	33	0	74	31	0
	SL		74.3%	25.7%	0	68.6%	31.4%	0	70.5%	29.5%	0
5	Tỉ lệ	86	72	14	0	73	13	0	77	9	0
	SL		83.7%	16.3%	0	84.9%	15.1%	0	89.5%	10.5%	0

Khối	SL/ Tỉ lệ	Tổng	Công nghệ			Tin học			Thẩm mỹ			Thể chất		
			T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C
Tổng	SL	390	193	58	0	194	57	0	287	103	0	290	100	0
	Tỉ lệ		49.5%	14.9%	0	49.7%	14.6%	0	73.6%	26.4%	0	74.4%	25.6%	0
1	SL	80	0	0	0	0	0	0	59	21	0	61	19	0
	Tỉ lệ		0.0%	0.0%	0	0.0%	0.0%	0	73.8%	26.3%	0	76.3%	23.8%	0
2	SL	59	0	0	0	0	0	0	38	21	0	36	23	0
	Tỉ lệ		0.0%	0.0%	0	0.0%	0.0%	0	64.4%	35.6%	0	61.0%	39.0%	0
3	Tỉ lệ	60	42	18	0	43	17	0	42	18	0	43	17	0
	SL		70.0%	30.0%	0	71.7%	28.3%	0	70.0%	30.0%	0	71.7%	28.3%	0
4	Tỉ lệ	105	74	31	0	74	31	0	73	32	0	73	32	0
	SL		70.5%	29.5%	0	70.5%	29.5%	0	69.5%	30.5%	0	69.5%	30.5%	0
5	Tỉ lệ	86	77	9	0	77	9	0	75	11	0	77	9	0
	SL		89.5%	10.5%	0	89.5%	10.5%	0	87.2%	12.8%	0	89.5%	10.5%	0

- Phẩm chất chủ yếu

Khối	SL/ Tỉ lệ	Tổng	Yêu nước			Nhân ái			Chăm chỉ		
			T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C
Tổng	SL	390	324	66	0	311	79	0	290	100	0
	Tỉ lệ		83.1%	16.9%	0	79.7%	20.3%	0	74.4%	25.6%	0
1	SL	80	58	22	0	58	22	0	56	24	0
	Tỉ lệ		72.5%	27.5%	0	72.5%	27.5%	0	70.0%	30.0%	0
2	SL	59	54	5	0	47	12	0	37	22	0
	Tỉ lệ		91.5%	8.5%	0	79.7%	20.3%	0	62.7%	37.3%	0
3	Tỉ lệ	60	42	18	0	41	19	0	41	19	0
	SL		70.0%	30.0%	0	68.3%	31.7%	0	68.3%	31.7%	0
4	Tỉ lệ	105	89	16	0	89	16	0	80	25	0
	SL		84.8%	15.2%	0	84.8%	15.2%	0	76.2%	23.8%	0
5	Tỉ lệ	86	81	5	0	76	10	0	76	10	0
	SL		94.2%	5.8%	0	88.4%	11.6%	0	88.4%	11.6%	0

Khối	SL/ Tỉ lệ	Tổng	Trung thực			Trách nhiệm		
			T	Đ	C	T	Đ	C
Tổng	SL	390	303	87	0	292	98	0
	Tỉ lệ		77.7%	22.3%	0	74.9%	25.1%	0
1	SL	80	58	22	0	57	23	0
	Tỉ lệ		72.5%	27.5%	0	71.3%	28.8%	0
2	SL	59	44	15	0	37	22	0
	Tỉ lệ		74.6%	25.4%	0	62.7%	37.3%	0
3	Tỉ lệ	60	43	17	0	42	18	0
	SL		71.7%	28.3%	0	70.0%	30.0%	0
4	Tỉ lệ	105	82	23	0	80	25	0
	SL		78.1%	21.9%	0	76.2%	23.8%	0
5	Tỉ lệ	86	76	10	0	76	10	0
	SL		88.4%	11.6%	0	88.4%	11.6%	0

*** Chất lượng giáo dục:**

Khối	Tổng số hs	HTXS		HTT		HT		CHT	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Khối 1	80	28	35.0%	25	30.0%	27	35.0%	0	0
Khối 2	59	26	42.4%	10	18.6%	23	39.0%	0	0
Khối 3	60	24	40.0%	16	26.7%	20	33.3%	0	0
Khối 4	105	38	36.2%	28	26.7%	39	37.1%	0	0
Khối 5	86	41	47.7%	30	34.9%	15	17.4%	0	0
Tổng	390	157	40.3%	109	27.9%	124	31,8%	0	0

Chất lượng mũi nhọn ngày càng tăng cụ thể như sau:

Nhà trường tổ chức tốt nhiều cuộc thi năng khiếu để giúp học sinh thể hiện năng lực, khả năng của học sinh: viết chữ đẹp, tin học trẻ...

*** Cấp trường:** Cá nhân: 203 giải (19 giải nhất; 50 giải nhì; 58 giải ba; 76 giải khuyến khích); tập thể 33 giải (11 giải nhất; 12 giải nhì; 8 giải ba)

Nội dung	CÁ NHÂN					TẬP THỂ				
	Tổng	Nhất	Nhì	Ba	Khuyến khích	Tổng	Nhất	Nhì	Ba	Khuyến khích
Viết chữ đẹp	99	10	24	31	34					
IOE	28	2	8	7	11					
Violympic TV	55	5	14	15	21					
Vẽ tranh phòng chống bạo lực học đường	19	1	3	5	10	0				

Nội dung	CÁ NHÂN					TẬP THỂ				
	Tổng	Nhất	Nhì	Ba	Khuyến khích	Tổng	Nhất	Nhì	Ba	Khuyến khích
Rung chuông vàng	2	1	1			0				
Văn nghệ	0					13	5	4	4	
Trang trí lớp học	0					13	3	5	3	2
Ngày hội đọc sách						7	3	3	1	
Tổng cộng	203	19	50	58	76	33	11	12	8	2

* **Cấp thành phố:** 29 giải cá nhân (2 giải nhất; 3 giải nhì; 9 giải ba; 15 giải khuyến khích) và 4 giải tập thể (1 giải nhất; 01 giải B; 01 giải ba; 1 giải khuyến khích);

Nội dung	CÁ NHÂN					TẬP THỂ				
	Tổng	Nhất	Nhì	Ba	Khuyến khích	Tổng	Nhất	Nhì	Ba	Khuyến khích
Giới thiệu lịch sử Đông Triều	1				1	0				
Điền kinh	5	1	1	3		1	1			
Viết chữ đẹp	5		1	1	3	0				
Giao lưu Tiếng Anh	2				2	2			1	1
Violympic TV	5		1	2	2	0				
IOE	2			2		0				
Vẽ tranh cổ động phòng chống bạo lực	4	1		1	2	0				
Tin học trẻ	5				5	0				
Văn nghệ	0					1		1		
Tổng cộng	29	2	3	9	15	4	1	1	1	1

* **Cấp tỉnh:** 10 giải (01 giải Nhì vẽ tranh, 02 giải Ba Tin học trẻ; 2 HCD tiếp sức nữ; 2 HCD giải toán Violympic; IOE đạt 01 giải ba; 02 giải Khuyến khích)

* **Cấp quốc gia:** 2 giải Toán Violympic (1 giải Vàng, 01 giải khuyến khích)

Cấp tỉnh						Quốc Gia				
Nội dung	Tổng	Nhất	Nhì	Ba	Khuyến khích	Tổng	Vàng	Nhì	Ba	Khuyến khích
Điền kinh (tiếp sức nữ)	2			2		0				
IOE	3			3		0				
Violympic TV	2			2		2	1			1
Tin học trẻ	2			2		0				
Vẽ tranh cổ động phòng chống bạo lực	1		1			0				
Tổng cộng	10	0	1	9	0	2	1	0	0	1

*** Khen thưởng cuối năm học**

Khối	Tổng số hs	Khen thưởng cấp trường				Khen thưởng cấp trên tổ chức	
		Hoàn thành xuất sắc		Học sinh tiêu biểu HTT trong học tập và rèn luyện			
		SL	%	SL	%		
Lớp 1	80	28	35.0%	25	30.0%	1	1.3%
Lớp 2	59	26	42.4%	10	18.6%	1	1.7%
Lớp 3	60	24	40.0%	16	26.7%	7	11.7%
Lớp 4	105	38	36.2%	28	26.7%	17	16.2%
Lớp 5	86	41	47.7%	30	34.9%	15	17.4%
Cộng	390	157	40.3%	109	27.9%	41	10.5%

*** Kết quả hoàn thành chương trình tiểu học và khen thưởng các cấp:**

Khối	Tổng số hs	Hoàn thành chương trình lớp học		Rèn luyện trong hè		Ở lại lớp	
		SL	%	SL	%	SL	%
Lớp 1	80	80	100	0	0	0	0
Lớp 2	59	59	100	0	0	0	0
Lớp 3	60	60	100	0	0	0	0
Lớp 4	105	105	100	0	0	0	0
Lớp 5	86	86	100	0	0	0	0
Tổng	390	390	100	0	0	0	0

Tập thể lớp:

Danh hiệu	Số lượng
Tập thể lớp tiên tiến	4/13 = 30,8%

Danh hiệu	Số lượng
	1A, 1B, 4B, 4A
Tập thể học sinh đạt xuất sắc	9/13 = 69,2% 1A, 2A, 2B, 3A, 3B, 5C, 5B, 5A, 4C,

*** Tổ chức các hoạt động GD ngoài giờ lên lớp đạt kết quả giáo dục cao:**

Nhà trường tổ chức tốt các câu lạc bộ học tập, câu lạc bộ các môn năng khiếu cho học sinh; chỉ đạo liên đội, đoàn thanh niên trường đã phối hợp tổ chức tốt các đợt thi đua, công tác tuyên truyền, tổ chức kỉ niệm trong các ngày lễ như: Khai giảng 5/9; Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10; Ý nghĩa lịch sử ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11; Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam 22/12; Kỷ niệm ngày thành lập Đảng 3/2; Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3; Ngày thành lập Đoàn 26/3; Ngày thành lập đội 15/5; Ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6

- Đội TNTP Hồ Chí Minh đã phát động tổ chức cho học sinh tham gia Tuyên truyền về luật ATGT, tuyên truyền tới học sinh cách phòng chống đuối nước cho học sinh. Phổ biến kiến thức về phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ em, Tổ chức hoạt động ngoại khóa "Giáo dục an toàn giao thông"; Tuyên truyền thực hiện Luật An toàn giao thông năm học 2024-2025; "Tuyên truyền về bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới năm 2024"; "Ngày Pháp luật nước CHXHCN Việt Nam" năm 2024. thi viết thư quốc tế UPU...Tổ chức kỷ niệm mít tinh chào mừng các ngày lễ lớn trong năm 20/10; 20/11; 22/12 Tổ chức Ngày hội "Thiếu nhi vui khỏe -Tiến bước lên Đoàn" chào mừng ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh 26/03/2025; Chương trình "Trường học hạnh phúc"; Tổ chức "Ngày sách và Văn hóa đọc năm 2025"... Tổ chức "Vui hội trăng rằm" cho học sinh; qua đó rèn luyện cho học sinh các kỹ năng sân khấu, mạnh dạn tự tin trước đông người, phát triển tốt thể lực; Phối hợp với công an phường Mạo Khê tổ chức tuyên truyền thực hiện Luật An toàn giao thông năm học 2024-2025; Hưởng ứng tinh thần "Tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách", và tinh thần " Xã hội tình nguyện vì trẻ em có hoàn cảnh khó khăn" tặng 10 suất quà cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Tết nguyên đán với tổng số tiền 3.000.000 đồng; tặng 12 suất quà cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Tết Trung thu với tổng số tiền 1.200.000 đồng; Với tinh thần tương thân tương ái tập thể cán bộ giáo viên, nhân viên ủng hộ ngày vì người nghèo, quỹ phòng chống thiên tai, quỹ đền ơn đáp nghĩa theo công văn chỉ đạo: Ủng hộ chăm sóc hỗ trợ người cao tuổi năm 2024, 2025: 1.000.000đ; ủng hộ quỹ vì người nghèo 1.000.000 đồng; Ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa năm 2024: 6,235,000 đồng, tham gia quỹ khuyến học phường Mạo Khê: 500.000đ. Mua tấm tre ủng hộ người khuyết tật Đông Triều: 3.800.000đ;

Đội TNTP Hồ Chí Minh đã tổ chức tốt các câu lạc bộ, tham gia các cuộc thi do thị đoàn phối hợp với Phòng GD&ĐT phát động cụ thể như sau:

Tên cuộc thi	Năm học 2024-2025
Sưu tập và tìm hiểu Tem bưu chính	249
Viết thư quốc tế UPU	184
Phòng chống bạo lực học đường	4
Thi vẽ tranh Bác Hồ với thiếu nhi- Thiếu nhi với Bác Hồ	271
Thi vẽ tranh “ngôi nhà mơ ước”	6
Thi vẽ tranh “Sáng kiến bảo đảm trật tự trường học về phòng ngừa bạo lực học đường và lao động trẻ em”	5
Vẽ tranh Cuộc thi và triển lãm tranh thiếu nhi toàn quốc năm 2025	60
Tổng	779

3. Số lượng học sinh hoàn thành CTTH

86/86 đạt 100% HS hoàn thành chương trình tiểu học

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

a. Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước được phân bổ theo Quyết định số 878/QĐ-PGD&ĐT ngày 28/12/2023 của Phòng GD&ĐT thị xã phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2024; Quyết định 1185/QĐ-PGD&ĐT ngày 25/12/2024 của Phòng GD&ĐT thành phố phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2025.

b. Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập; chi cơ sở vật chất và dịch vụ; chi hỗ trợ người học; chi khác.

Số TT	Chỉ tiêu	Quyết toán Quyết toán chi NSNN năm 2024	Chi NSNN năm 2025	
			Dự toán năm 2025	Ước thực hiện
A	B	1	2	3
	Tổng số:	4,942,897,086	5,907,678,000	6,150,000,000
I	Chi thường xuyên			
1	Chi thanh toán cá nhân	4,015,000,000	4,855,152,000	4,950,000,000
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	650,000,000	850,000,000	950,000,000
3	Chi khác	227,897,086	202,535,000	250,000,000

Nhà trường thực hiện thu đúng quy định của các cấp có thẩm quyền. Mọi nguồn thu, chi đều được quản lý trên hệ thống sổ của kế toán, chứng từ, hóa đơn tài chính. Nguồn chi từ ngân sách nhà nước chi đúng văn bản hướng dẫn của nhà nước, Phòng Tài chính, UBND Thành phố Đông Triều. Các nguồn thu của CMHS đã được thống nhất trong cha mẹ học sinh, trước hội nghị cán bộ, viên chức, lao động và đã chi theo quy chế đầu năm xây dựng. Các nguồn quỹ được quyết toán

công khai trước hội đồng 2 lần/1 năm vào cuối kì I và tổng kết cuối năm học. Triển khai ứng dụng phần mềm MISA trong công tác quản lý tài chính.

Việc thu - chi các khoản thỏa thuận với cha mẹ học sinh và huy động xã hội hóa được thực hiện theo đúng quy trình hướng dẫn của ngành, huy động trên tinh thần tự nguyện, không có hiện tượng lạm thu hoặc thu sai quy định.

c. Các khoản thu khác.

Các khoản thu theo thỏa thuận được nhà trường và CMHS họp, bàn bạc thống nhất, quản lý thu - chi theo đúng nguyên tắc tài chính, thu đủ chi. Trong năm học, nhà trường và CMHS đã thỏa thuận thu - chi một số khoản sau:

STT	Nội dung thu	Mức thu/HS	Tổng thu năm học 2024-2025	Tổng chi năm học 2024-2025	Ghi chú
1	Tiền nước uống	11.000đ/tháng	37,400,000	37,400,000	Miễn học sinh, nghèo, khó khăn
2	Quản lý BT	132,000đ HS/tháng	92,340,000	92,340,000	
3	Điều hòa lớp học	Thu theo số công tơ lắp cố định trong lớp học	3,000,000	3,000,000	

*** Xây dựng khối đoàn kết nội bộ, tích cực chăm lo đời sống cán bộ, giáo viên, nhân viên**

- Chăm lo tốt đời sống cán bộ công nhân viên - đảm bảo tốt chế độ chính sách tiền lương, tiền công, chế độ thâm niên, chế độ nâng lương, nâng lương sớm theo đúng qui định;

Năm	Tăng bậc lương	Tăng thâm niên	Tăng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc
2024	10	20	03
T5/2025	3	13	02

Bảng nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chi thu nhập tăng thêm và thưởng định kỳ theo quy định cho 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên cụ thể như sau:

Nội dung	Tổng	Loại A	Loại B	Loại C
Thu nhập tăng thêm năm 2024	154,252,778đ	6,648,827 (17 đồng chí)	5,319,061 (7 đồng chí)	3,989,296 (1 đồng chí)
Thưởng định kỳ năm 2024	Tổng	HSXS	HTTNV	HTNV
	126,440,006	5,521,397 (4 đồng chí)	4,969,258 (21 đồng chí)	0

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Nhà trường trở thành đơn vị đạt chất lượng cao về giáo dục. Đảm bảo môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; tạo điều kiện để mỗi học sinh có được cơ hội bình đẳng trong học tập, sinh hoạt, phát triển những năng lực sẵn có của từng cá nhân. Giúp học sinh hình thành và phát triển những yếu tố căn bản, đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

- Triển khai thực hiện tốt Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 trọng tâm đối với lớp 1, 2, 3, 4, 5 đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

- Đảm bảo cơ sở vật chất trang thiết bị dạy học đáp ứng thực hiện chương trình GDPT đối với cấp tiểu học. Sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có.

- Tích cực tham mưu với các cấp quản lý để đảm bảo đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đủ về số lượng, chuẩn hóa về trình độ đào tạo, đồng bộ về cơ cấu, nâng cao chất lượng theo chuẩn nghề nghiệp; Thực hiện bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục để triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo lộ trình.

- Thực hiện tốt công tác rèn nền nếp, kỉ cương, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Chú trọng kết hợp dạy chữ với dạy người, giáo dục ý thức, trách nhiệm của công dân đối với gia đình-nhà trường-xã hội cho học sinh. Thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua của ngành phù hợp điều kiện của nhà trường.

- Chất lượng đội ngũ được cải thiện, chất lượng giáo dục học sinh về học tập và các hoạt động giáo dục cao hơn so với cùng kỳ năm học trước.

- Thực hiện tốt công tác chuyển đổi số, thực hiện học bạ điện tử; tuyển sinh đầu cấp trên hệ thống online...

- Tập thể nhà trường có tinh thần đoàn kết giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

- Về cơ sở vật chất: Trang bị đủ SGK, SGV, sách tham khảo, thiết bị dạy học đảm bảo các tiêu chí của thư viện chuẩn. Bổ sung thêm đồ dùng dạy học và phương tiện UDCNTT.

- Hoạt động dạy học và hoạt động ngoài giờ có nền nếp tốt.

- Hồ sơ sổ sách thực hiện đầy đủ; báo cáo với các cấp kịp thời, chính xác

- Học sinh và giáo viên thực hiện hiện tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với các lực lượng trong và ngoài nhà trường trong công tác giáo dục.

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Hải Thu